TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2026/HNGĐ-ST
Ngày 21 tháng 4 năm 2026
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Ngô Huỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Mỹ Nhiên

2. Ông Đặng Thành Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tấn Phát – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ

Ngày 21 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ. Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 242/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2026/QĐST - HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1987 (có mặt)

Trú tại: ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ

- *Bị đơn*: Chị Lê Thanh T, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Trú tại: ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn anh Nguyễn Thanh P trình bày: Anh và chị Lê Thanh T quen biết, tìm hiểu nhau và tổ chức lễ cưới theo phong tục, đăng ký kết hôn năm 2008. Thời gian đầu hạnh phúc, nhưng sau đó bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không thể chia sẽ lẫn nhau. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2011 đến nay. Do tình cảm không còn anh P yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Bị đơn chị Lê Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị Lê Thanh T nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Anh P và chị T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2008 nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai của anh P thì thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không thể chia sẽ được. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2011 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án chị T không có ý kiến gì đối với mối quan hệ hôn nhân của anh P và chị T. Cho thấy chị T và anh P mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên anh P yêu cầu ly hôn với chị T là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về con chung: Không có, nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Thanh P phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh P và chị Lê Thanh T được ly hôn.

- Về con chung: Không có, nên không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không xem xét.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Thanh P phải chịu 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh P đã nộp tạm ứng theo biên lai số 0010470 ngày 24/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh P đã đóng xong án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng, thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Ngô Huỳnh